

**CÔNG TY TNHH ĐIỆN LẠNH NGỌC TÙNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐIỆN LẠNH NGỌC TÙNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGOC TUNG REFRIGERATION  
COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109153325

**3. Ngày thành lập:** 07/04/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 46, ngõ 259 phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành  
phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0978201513

Fax:

Email: [tungdienlanhhb86@gmail.com](mailto:tungdienlanhhb86@gmail.com) Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                        | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào<br>đâu<br>Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ<br>sinh và nhà ăn | 2599     |
| 2.  | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                        | 2750     |
| 3.  | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                      | 2790     |
| 4.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                       | 3312     |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                           | 3313     |
| 6.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                           | 3314     |
| 7.  | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                           | 3319     |
| 8.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                          | 3320     |
| 9.  | Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí<br>và sản xuất nước đá                                                               | 3530     |
| 10. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                            | 4321     |
| 11. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà<br>không khí                                                                         | 4322     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                   | 4329     |
| 13. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                   | 4330     |
| 14. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>(trừ đấu giá hàng hóa)                                                                                     | 4610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4649        |
| 16. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4651        |
| 17. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4652        |
| 18. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4659        |
| 19. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4663        |
| 20. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4690        |
| 21. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4741        |
| 22. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4742        |
| 23. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4752        |
| 24. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình khác bằng gỗ, song mây, tre, cói đan;<br>- Bán lẻ dao, kéo, dụng cụ cắt gọt, đồ dùng nhà bếp. | 4759(Chính) |
| 25. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4772        |
| 26. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4791        |
| 27. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>(loại trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4799        |
| 28. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(trừ tư vấn pháp luật)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7020        |
| 29. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7310        |
| 30. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8230        |
| 31. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất, nhập khẩu hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8299        |

|     |                                              |      |
|-----|----------------------------------------------|------|
| 32. | Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng | 9521 |
| 33. | Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình          | 9522 |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: \_\_\_\_\_ Giới tính: \_\_\_\_\_  
 Sinh ngày: \_\_\_\_\_ Dân tộc: \_\_\_\_\_ Quốc tịch: \_\_\_\_\_  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Số giấy chứng thực cá nhân: \_\_\_\_\_  
 Ngày cấp: \_\_\_\_\_ Nơi cấp: \_\_\_\_\_  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: \_\_\_\_\_  
 Chỗ ở hiện tại: \_\_\_\_\_

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN TÙNG Giới tính: *Nam*  
 Chức danh: *Giám đốc*  
 Sinh ngày: *21/07/1986* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*  
 Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*  
 Số giấy chứng thực cá nhân: *B8365241*  
 Ngày cấp: *04/10/2013* Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*  
 Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Khu phố Quyết Tiến, Thị trấn Ba Hàng Đồi, Huyện Lạc Thủy, Tỉnh Hòa Bình, Việt Nam*  
 Chỗ ở hiện tại: *Số nhà 46, ngõ 259 phố Vĩnh Hưng, Phường Vĩnh Hưng, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội